

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/20018/KDTM-ST

Ngày 20-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Nhân - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lầy

Ông Vũ Văn Hóa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 928/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 989/2018/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Q (viết tắt là VIB); địa chỉ: Số 16 P, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Minh T; địa chỉ: TT N, huyện T, Hải Phòng; chức vụ Cán bộ Ngân hàng Q (Giấy ủy quyền 3.2988.14 ngày 21/12/2017 do bà Trần Thị Thu H, chức vụ Giám đốc Trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân, khối Quản trị Rủi ro do VIB; Giấy ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017 do ông Hàn Ngọc Vũ, chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng Q; người đại diện theo pháp luật của VIB); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Hữu V và bà Trần Thị T; cùng nơi cư trú: Tổ Đ 2 phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng (tổ 5 cụm 1 cũ), đều vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Đức V và bà Phạm Thị H; cùng nơi trú: Tổ Đ 1 phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng (tổ 5 cụm 1 cũ), đều vắng mặt..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngày 06/4/2018 và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Ông Vũ Hữu V và bà Trần Thị T vay vốn tại Ngân hàng Q (viết tắt là VIB) - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số: 669/HĐTD1-VIB009/11 ngày 07/12/2011 với những nội dung sau: Số tiền vay **2.000.000.000đồng** (*Hai tỷ đồng chẵn*). Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ xẻ, thành phẩm, đồ gỗ gia dụng. Thời hạn vay mỗi món vay không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Phương thức trả nợ thời hạn trả nợ gốc của từng món vay không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ; nợ lãi vào ngày 16 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Tài sản 1: Quyền sử dụng 172.36 m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Tổ 11, khu dân cư Đ 2, phường Đ, quận K, TP Hải Phòng, thuộc thửa đất số 54 của tờ bản đồ số 18(306597-7-d), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 559076, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00.040/ĐH do UBND quận K, Tp.Hải Phòng cấp ngày 26/01/2007 cho chủ sử dụng là Ông Vũ Hữu V và vợ là bà Trần Thị T. Tài sản trên đã được các bên giao kết theo Hợp đồng thế chấp số 288/2009/BĐ1-009 , số công chứng: 2440/TC-ĐNV; quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/07/2009 ký ngày 15/07/2009 tại trụ sở văn phòng công chứng số 2 sở Tư pháp, Hải Phòng.

Tài sản 2: Quyền sử dụng 135.90 m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Khu dân cư Đ 1, phường Đ, quận K, TP Hải Phòng, thuộc thửa đất số 415 của tờ bản đồ số 14(306594-7-(a)), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI155517, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00105/ĐH do UBND quận K, Tp.Hải Phòng cấp ngày 10/08/2007 cho chủ sử dụng là Ông Bùi Đức V. Tài sản trên đã được các bên giao kết theo Hợp đồng thế chấp số 001/2009/BĐ.009, số công chứng: 05/TC-ĐVN quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 03/01/2009 tại trụ sở văn phòng công chứng số 2, tp Hải Phòng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng số: 669/HĐTD1-VIB009/11 ngày 07/12/2011, VIB đã giải ngân cho bên vay là ông Vũ Hữu V và bà Trần Thị T theo các khế ước nhận nợ như sau:

Khế ước 01: Khế ước nhận nợ số 669.01/KUNN1 ngày 31/12/2011 là **1.250.000.000** đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*)

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ xẻ, thành phẩm, đồ gỗ gia dụng. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 31/12/2011. Phương thức trả nợ gốc vào ngày 30/06/2012, lãi: ngày 16 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày

16/01/2012. Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất 23%/năm, thay đổi 01 tháng/lần, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi thời kỳ và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Khế ước 02: Khế ước nhận nợ số 669.02/KUNN1 ngày 13/01/2012 là **750.000.000** đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn*). Mục đích vaybổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ xẻ, thành phẩm, đồ gỗ gia dụng. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 13/01/2012. Phương thức trả nợ gốc vào ngày 13/07/2012, lãi: ngày 16 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 16/01/2012. Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất 23%/năm, thay đổi 01 tháng/lần, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi thời kỳ và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Ông Vị, bà Tha đã trả 400.000.000 đồng tiền gốc, vì ông Vị nợ quá hạn nên Ngân hàng ưu tiên thu tiền nợ gốc trước (ngày 21/12/2012, trả 100.000.000 đồng ; ngày 26/12/2012, đã trả 300.000.000 đồng).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Vũ Hữu V và bà Trần Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VIB nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 16/04/2012. Tổng dư nợ của ông Vị tạm tính đến ngày xét xử 20/11/2018 là: **4.443.671.896 đồng** trong đó:

- Nợ gốc : **1.600.000.000 đồng**
- Nợ lãi trong hạn : **99.109.396 đồng**
- Nợ lãi quá hạn : **2.744.562.500 đồng**

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, VIB đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông Vị, bà Tha thực hiện nghĩa vụ cho VIB, nhưng ông Vị, bà Tha không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc làm trên của ông Vị, bà Tha đã gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của VIB.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên, VIB kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết tranh chấp như sau:

- Buộc ông Vũ Hữu V và bà Trần Thị T phải trả ngay cho VIB số tiền: **4.443.671.896 đồng** gồm: nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn nói trên tạm tính đến ngày 20/11/2018. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày ông Vũ Hữu V và bà Trần Thị T trả hết nợ cho VIB.

- Trong trường hợp ông Vũ Hữu V và bà Trần Thị T không trả nợ cho VIB, thì VIB được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là:

Tài sản 1: Quyền sử dụng 172.36 m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Tổ 11, khu dân cư Đ 2, phường Đ, quận K, TP Hải Phòng, thửa đất số 54 của tờ bản đồ số 18(306597-7-d), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 559076, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00.040/ĐH do UBND quận K, Tp.Hải Phòng cấp ngày 26/01/2007 cho chủ sử dụng là Ông Vũ Hữu V và vợ là bà Trần Thị T

Tài sản 2: Quyền sử dụng 135.90 m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Khu dân cư Đ 1, phường Đ, quận K, TP Hải Phòng, thuộc thửa đất số 415 của tờ bản đồ số 14(306594-7-(a)), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI155517, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00105/ĐH do UBND quận K, Tp.Hải Phòng cấp ngày 10/08/2007 cho chủ sử dụng là Ông Bùi Đức V

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với VIB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho VIB.

- Ngoài ra VIB không yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản nào khác.

Tại bản tự khai của bị đơn: Ông Vũ Hữu V trình bày thừa nhận có vay của VIB số tiền 2.000.000.000 đồng bằng hợp đồng tín dụng số: 669/HĐTD1-VIB009/11 ngày 07/12/2011 là đúng, ông V đã trả được 400.000.000 đồng, hiện còn nợ gốc là: 1.600.000.000 đồng và tiền nợ lãi như đại diện VIB trình bày là đúng.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Đức Văn trình bày vợ chồng ông Văn đồng ý cho vợ chồng ông V dùng tài sản của mình tại địa chỉ nhà số 207, tổ 3, Đ, K để thế chấp cho ông V vay Ngân hàng VIB số tiền 2.000.000.000 đồng và có thực hiện việc công chứng chứng thực theo quy định. Quan điểm của ông Văn đề nghị vợ chồng ông V phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, trường hợp vợ chồng ông V không trả được nợ, ông Văn đồng ý phát mại tài sản theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng thủ tục tố tụng;

- Yêu cầu nguyên đơn cung cấp các Hợp đồng tín dụng số 758, ngày 26/9/2007; hợp đồng tín dụng số 008, ngày 05/1/2009; hợp đồng tín dụng số 1096, ngày 30/12/2010

- Xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà Tha vì bà Tha không ký vào Hợp đồng tín dụng số 669/HĐTD1-VIB009/11 ngày 07/12/2011 và 02 khế ước nhận nợ số 669.01/KUNN1 ngày 31/12/2011 và 669.02/KUNN1 ngày 13/01/2012;

- Yêu cầu nguyên đơn cung cấp biên bản thẩm định lại giá tài sản thế chấp

Kiểm sát viên đề xuất tạm ngừng phiên tòa theo điểm c khoản 1 Điều 259 của BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều cư trú tại K, Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt, tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[4] Hội đồng xét xử xét đề nghị của nguyên đơn, Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng VIB và ông Vũ Hữu V, bà Trần Thị T cùng ký Hợp đồng tín dụng số: 669/HĐTD1-VIB009/11 ngày 07/12/2011, VIB đã giải ngân cho bên vay là ông Vũ Hữu V và bà Trần Thị T vay số tiền 2.000.000.000 đồng bằng 02 Khế ước nhận nợ số 669.01/KUNN1 ngày 31/12/2011 là **1.250.000.000** đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ xẻ, thành phẩm, đồ gỗ gia dụng. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 31/12/2011. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 30/06/2012; trả lãi: ngày 16 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 16/01/2012. Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất 23%/năm, thay đổi 01 tháng/lần, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi thời kỳ và phù hợp với quy định của Pháp luật. Khế ước nhận nợ số 669.02/KUNN1 ngày 13/01/2012 là **750.000.000** đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn*). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ xẻ, thành phẩm, đồ gỗ gia dụng. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 13/01/2012. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 13/07/2012, trả lãi: ngày 16 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 16/01/2012. Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất 23%/năm, thay đổi 01 tháng/lần, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi thời kỳ và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Thực hiện hợp đồng tín dụng: Ông Vĩ đã thanh toán cho VIB số tiền gốc là 400.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc là: 1.600.000.000 đồng và lãi trong hạn : **99.109.396 đồng**, lãi quá hạn : **2.744.562.500 đồng** tính đến ngày 20/11/2018.

Vi phạm Hợp đồng: Từ 16/04/2012, ông Vĩ , bà Tha không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. VIB đã nhiều lần làm việc và ra Thông báo nợ quá hạn cho ông Vĩ, bà Tha, tuy nhiên bà ông Vĩ, bà Tha không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ trả tiền (Điều 278, Điều 280 Bộ luật Dân sự), Bản thân ông Vĩ đã thừa nhận có vay của VIB số tiền 2.000.000.000 đồng, đã trả được 400.000.000 đồng, hiện còn nợ gốc là

1.600.000 đồng và lãi như quan điểm của nguyên đơn, mặc dù tại Hợp đồng tín dụng bà Tha không ký nhận, tuy nhiên số tiền ông Vị vay VIB mục đích kinh doanh và để phụ vụ cho nguồn lợi ích của gia đình, buộc bà Tha và ông Vị có nghĩa vụ trả nợ chung đối với nợ của VIB, vì vậy VIB yêu cầu ông Vị, bà Tha phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi là có cơ sở, cần chấp nhận.

Đề Bảo đảm cho khoản vay 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng:

Bị đơn ông Vị, bà Tha dùng tài sản của mình thế chấp: Quyền sử dụng 172.36 m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Tổ 11, khu dân cư Đ 2, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 54 của tờ bản đồ số 18(306597-7-d), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 559076, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00.040/ĐH do UBND quận K, Tp.Hải Phòng cấp ngày 26/01/2007 cho chủ sử dụng là Ông Vũ Hữu V và vợ là bà Trần Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 288/2009/BDD1-009 ngày 15/7/2009 (Số công chứng: 2440/TC-ĐNV; quyền số: 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2009 của Phòng Công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận) và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 30/12/2010 (Số công chứng: 6341/TC-ĐNV; quyền số: 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2010 của Phòng Công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Văn, bà Hương dùng tài sản của mình thế chấp: Quyền sử dụng 135.90 m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ khu dân cư Đ 1, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 415 của tờ bản đồ số 14(306594-7-(a)), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI155517, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00105/ĐH do UBND quận K, Tp.Hải Phòng cấp ngày 10/08/2007 cho chủ sử dụng là Ông Bùi Đức V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 001/2009/BĐ.009 ngày 02/01/009 (Số công chứng: 05/TC-ĐNV; quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2009 và của Phòng Công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận) và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 04/4/2011 (Số công chứng: 883TC-ĐNV; quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/4/2011 của Phòng Công chứng số 2 thành phố Hải Phòng chứng nhận);

Hình thức và nội dung Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng thế chấp tài sản không trái pháp luật, các bên tham gia ký kết đều có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, từ khi ký hợp đồng không ai có tranh chấp khiếu nại đối với các hợp đồng nói trên, các hợp đồng trên được lập bằng văn bản và có công chứng tại của Phòng Công chứng số 2 thành phố Hải Phòng, chứng nhận và đăng ký giao dịch bảo đảm. Cả hai tài sản trên được bảo đảm cho một khoản vay là 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký. Việc thế chấp tài sản trên ông Vị, bà Tha và thế chấp tài sản bên thứ ba là ông Văn, bà Hương, đều dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là bất động sản nói trên thế chấp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay của ông Vị, bà Tha. Hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên đã có thỏa thuận khác bằng các văn bản sửa đổi, bổ sung là phù hợp và thực hiện theo quy định của pháp luật

Đối với yêu cầu của Kiểm sát viên:

- Xác định tư cách tham gia tố tụng đối với bà Trần Thị T: Hợp đồng tín dụng 669/HĐTD1-VIB009/11 ngày 07/12/2011; 02 khế ước nhận nợ số 669.01/KUNN1 ngày 31/12/2011 và số 669.02/KUNN1 ngày 13/01/2012, VIB đã giải ngân cho ông Vĩ vay tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng, nhưng không có chữ ký chữ viết của bà Tha (vợ ông Vĩ). tuy nhiên Hợp đồng tín dụng nêu rõ mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ xẻ, thành phẩm, đồ gỗ gia dụng. Tại các biên bản làm việc ngày 17/7/2013 giữa VIB và bà Tha xác nhận về khoản nợ gốc 1.600.000.000 đồng cộng lãi phát sinh và xử lý tài sản bảo đảm; tại các thông báo về việc thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm của VIB đã đơn đốc và tạo điều kiện cũng như hỗ trợ cho ông Vĩ, bà Tha thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số: 02D8001473, đăng ký lần đầu ngày 08/02/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08/12/2010, ngành nghề kinh doanh là: Xẻ gỗ, bán gỗ thành phẩm, sản xuất giường, tủ, bàn ghế, cầu thang bằng gỗ, đại diện hộ gia đình là ông Vĩ đứng tên. Việc vay vốn tại VIB của ông Vĩ mục đích để bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ xẻ, thành phẩm, đồ gỗ gia dụng, nhằm phục vụ cho việc kinh doanh của vợ chồng bà, tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết yếu của gia đình” Như vậy buộc bà Tha phải biết khoản vay nợ của ông Vĩ nhằm mục đích kinh doanh để phục vụ cho nguồn lợi ích của gia đình và thuộc tài sản chung của vợ chồng, bà Tha phải có trách nhiệm cùng Ông Vĩ trả các khoản nợ cho VIB theo hợp đồng tín dụng mà ông Vĩ đã ký kết với VIB. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn xác định bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án này.

- Yêu cầu nguyên đơn cung cấp các hợp đồng tín dụng số 758, ngày 26/9/2007; hợp đồng tín dụng số 008, ngày 05/1/2009; hợp đồng tín dụng số 1096, ngày 30/12/2010 : Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2018 của VIB và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ khởi kiện và yêu cầu ông Vĩ, bà Tha thực hiện trả nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 669/HĐTD1-VIB009/11 ngày 07/12/2011; 02 khế ước nhận nợ số 669.01/KUNN1 ngày 31/12/2011 và số 669.02/KUNN1 ngày 13/01/2012, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết Hợp đồng nào khác, đại diện nguyên đơn khẳng định các Hợp đồng trước đây được ký kết giữ ông Vĩ, bà Tha đã giải tỏa thế chấp nên VIB không khởi kiện, việc Kiểm sát viên yêu cầu nguyên đơn cung cấp các hợp đồng trước đây để xem xét, đánh giá là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên yêu cầu của Kiểm sát viên không được chấp nhận.

- Yêu cầu nguyên đơn cung cấp biên bản thẩm định lại giá tài sản, tại Điều 1 của 02 Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 04/4/2011 và ngày 30/12/2010 đã quy định về thời gian ký kết hợp đồng và giá trị tài sản, tuy nhiên đại diện nguyên đơn cho rằng đã thẩm định lại tài sản nhưng tại phiên tòa không cung cấp được, cần đánh giá nguyên đơn đã không thực hiện việc thẩm định là thiếu sót, tuy nhiên ngày 09/8/2018 và ngày 19/9/2018, Tòa án nhân dân quận K đã tiến hành thẩm định tại chỗ đối với 02 tài sản thế chấp thì 02 tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên không thay đổi, cho mượn, chuyển nhượng, 02 tài sản này đều phù hợp

với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của ông Vĩ, bà Tha, ông Văn, bà Hương. Vì vậy yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu trên cũng không làm thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cần kiến nghị đến Tổng giám đốc Ngân hàng Q để hướng dẫn thực hiện trong việc thực hiện thẩm định giá trị tài sản bảo đảm.

Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Từ các phân tích trên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Vĩ, bà Tha phải trả cho VIB tổng số tiền là: **4.443.671.896 đồng** trong đó (Nợ gốc : **1.600.000.000 đồng**; nợ lãi trong hạn : **99.109.396 đồng**; nợ lãi quá hạn : **2.744.562.500 đồng**) tính đến ngày 20/11/2018.

- Lãi phát sinh: Ông Vĩ, bà Tha phải tiếp tục chịu lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng, kể từ ngày 21/11/2018 theo hợp đồng tín dụng số 669/HĐTD1-VIB009/11 ngày 07/12/2011 mà hai bên đã ký kết.

- Xử lý tài sản bảo đảm: Đối với tài sản thế chấp của ông Văn, bà Hương khi xử lý tài sản bảo đảm, ông Văn, bà Hương được tiếp tục sử dụng trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình, trường hợp ông Vĩ, bà Tha không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản nợ cho VIB thì VIB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản bảo đảm nêu trên của ông Vĩ, bà Tha và ông Văn, bà Hương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm, bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ được bảo đảm phải thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

[6] Về án phí: Ông Vĩ, bà Tha phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Trả lại cho VIB số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự quận K.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 4 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 280; khoản 2 Điều 292, Điều 282; Khoản 2 Điều 292; khoản 1 Điều 293; Điều 295; Điều 303; Điều 307; khoản 6 Điều 320; Điều 327 Bộ luật Dân sự

Căn cứ khoản 16 Điều 4; các Điều 90, 91, 95, 98, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của VIB

Buộc ông Vị, bà Tha phải trả cho VIB tổng số tiền là: **4.443.671.896 đồng** trong đó (Nợ gốc : **1.600.000.000 đồng**; nợ lãi trong hạn : **99.109.396 đồng**; nợ lãi quá hạn : **2.744.562.500 đồng**) tính đến ngày 20/11/2018.

Lãi phát sinh: Ông Vị, bà Tha phải tiếp tục chịu lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng, kể từ ngày 21/11/2018 theo hợp đồng tín dụng số 669/HĐTD1-VIB009/11 ngày 07/12/2011 mà hai bên đã ký kết.

Kể từ ngày tiếp theo của Bản án sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Xử lý tài sản bảo đảm: Đối với tài sản thế chấp của ông Văn, bà Hương khi xử lý tài sản bảo đảm, ông Văn, bà Hương được tiếp tục sử dụng trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình, trường hợp ông Vị, bà Tha không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản nợ cho VIB thì VIB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự quận K phát mại các tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật gồm:

- Quyền sử dụng 172.36 m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Tổ 11, khu dân cư Đ 2, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 54 của tờ bản đồ số 18(306597-7-d), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 559076, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00.040/ĐH do UBND quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/01/2007 cho chủ sử dụng là Ông Vũ Hữu V và vợ là bà Trần Thị T;

- Quyền sử dụng 135.90 m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Khu dân cư Đ 1, phường Đ, quận K, TP Hải Phòng, thuộc thửa đất số 415 của tờ bản đồ số 14(306594-7-(a)), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI155517, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00105/ĐH do UBND quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/08/2007 cho chủ sử dụng là Ông Bùi Đức V.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được

bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm, bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ được bảo đảm phải thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

Về án phí: Ông Vũ Hữu V và bà Trần Thị T phải nộp số tiền **112.443.000 đồng** (làm tròn số) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Trả lại cho VIB số tiền tạm ứng án phí là: 36.000.000 đồng đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0010133 ngày 18/6/2018.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSNDTPHảiPhòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THA Dân sự K;
- Các Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Nhân